

Bản án số: 169/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chi

Ông Đỗ Biên Ải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp TANB, xã TAKN, huyện Đám Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp TTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm, lo lắng cho gia đình, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đến nay trên hai năm. Chị N yêu cầu ly hôn anh N.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/11/2011 và Nguyễn Gia Hu, sinh ngày 01/9/2015, hai con đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh N chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ AKN, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm, lơ lửng cho gia đình, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Đối với anh N đã nhận được văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản đối nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu Hu của chị N thấy rằng: Từ khi anh chị ly thân đến nay, hai cháu sống chung với chị N vẫn phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Theo biên bản ghi nguyện vọng, cháu H có nguyện vọng sống chung với chị N. Đối với anh N không thể hiện yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu H và cháu Hu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị N, cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Nguyễn Gia Hu, sinh ngày 01/9/2015 cho chị Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0012227 ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TAKN;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng